

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2022

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Vững**

2. Bà **Huỳnh Thị Kim Thơ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 10 tháng 02 và ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1985.

HKTT: Ấp M, xã M1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Ấp 3, xã M2, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị N có mặt tại phiên tòa,
anh H vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thanh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và chồng chị là anh Nguyễn Trọng H lấy nhau vào năm 2002, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện T,

tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/6/2003. Vợ chồng chị chung sống với nhau cũng mấy chục năm, cuộc sống hôn nhân cũng có nhiều mâu thuẫn, lý do anh H thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện, cự cãi với chị, anh H thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm, chửi chị, thương chồng thương con chị cố gắng chịu đựng mong chờ ngày anh H suy nghĩ lại, nhưng thời gian gần đây anh H còn kiếm chuyện chửi bới xúc phạm chị nhiều hơn, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nghĩ đến các con và vợ chồng cũng không còn nhỏ tuổi nên chị cố gắng chịu đựng, cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng đến nay chị rất mệt mỏi, chị không còn muốn cùng chồng chị xây dựng gia đình nữa vì anh H không thay đổi được. Do vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị đã về nhà ba mẹ ruột của chị tại ấp 3, xã M1, huyện T sinh sống từ khoảng tháng 04/2020 và ly thân với anh H từ đó cho đến nay. Chị đã từng nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn với anh H, vì cho anh H cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn, nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Nay chị thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

- Về quan hệ nuôi con: Có 03 con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 07/8/2003, Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/5/2011. Hiện Kiến D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng, Vân A và Đăng K hiện đang sống chung với vợ chồng chị. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn chị N yêu cầu con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N thay đổi trình bày là về con chung Kiến D đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng, Vân A và Đăng K hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Vân A và Đăng K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh H thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh H. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Trọng H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:
 - + Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao, bản chính);
 - + Giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Vân A (bản photo), Nguyễn Kiến D (bản sao), Nguyễn Đăng K (bản photo).
 - + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
 - + Tờ tự khai của con chung (bản chính);

+ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (bản chính).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- **Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.**

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 17 tháng 01 năm 2022.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị N về việc yêu cầu được ly hôn với anh H. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp Mỹ Thị B, xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án thì Thư ký phiên tòa là bà Võ Thị Búp. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Búp bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Hồ Thị Mỹ Linh là Thư ký phiên tòa dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H do tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2003. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị N và anh H có nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị N trình bày là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt kiếm chuyện, cự cãi với chị, anh H thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm, chửi chị, thương chồng thương con chị cố gắng chịu đựng mong chờ ngày anh H suy nghĩ lại, nhưng thời gian gần đây anh H còn kiếm chuyện chửi bới xúc

phạm chi nhiều hơn, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nghĩ đến các con và vợ chồng cũng không còn nhỏ tuổi nên chị cố gắng chịu đựng, cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng đến nay chị rất mệt mỏi, chị không còn muốn cùng chồng xây dựng gia đình nữa vì anh H không thay đổi được. Do vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị đã về nhà ba mẹ ruột của chị tại ấp 3, xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười sinh sống từ khoảng tháng 04/2020 và ly thân với anh H từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, chị và anh H không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Đồng thời, chị N đã từng nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn với anh H, vì cho anh H cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn, nhưng anh H vẫn không sửa đổi.

Xét thấy, chị N và anh H đã ly thân nhau từ tháng 04/2020 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, anh H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy anh H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị N cương quyết xin ly hôn với anh H. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị N và anh H có 03 con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 07/8/2003, Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/5/2011. Hiện Kiến D đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết đối với con chung Kiến D. Còn con chung Vân A và Đăng K hiện đang sống chung với chị N. Xét từ khi chị N và anh H ly thân với nhau cho đến nay thì con chung Vân A, Đăng K sống với chị N tại xã M2 và con chung Đăng K vẫn đang được chị N cho đi học bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa tại địa chỉ trên. Do đó, về môi trường sống và học tập của Vân A, Đăng K đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, được đi học, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, theo tờ tự khai Vân A và Đăng K có nguyện vọng sống chung với chị N khi cha mẹ ly hôn. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vân A và Đăng K, còn anh H không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung và tính đến nay giữa hai người cũng không có chứng cứ nào chứng minh là đã thỏa thuận được với nhau việc nuôi con chung. Đồng thời, bản thân chị N không thuộc trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của chị N là có căn cứ nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung Vân A và Đăng K, khi ly hôn chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Vân A và Đăng K, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Chị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị N trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 03 con chung tên Nguyễn Kiến D, sinh ngày 07/8/2003, Nguyễn Vân A, sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/5/2011. Hiện Kiến D đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thanh

N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Văn A sinh ngày 18/12/2007 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/5/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung Văn A và Đăng K do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001591, ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã M1;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Thọ – Lê Văn Vững

Nguyễn Minh Phường

